

Số: **1044/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Đông, ngày 06 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 866/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/06/2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thanh H** - sinh năm 1983; Thẻ căn cước: 001183004405, cấp ngày 19/10/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – **Bộ C**.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, **N - Đ, phường Y, thành phố Hà Nội**.

Hiện trú tại: **Số A, hẻm B, tổ dân phố A, N, phường Đ, thành phố Hà Nội**.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đình V** - sinh năm 1972; Thẻ căn cước: 001072019488, cấp ngày 01/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – **Bộ C**.

Nơi ĐKNKTT và hiện trú tại: **Tổ E, N - Đ (nay là nhà số A, ngách H, ngõ C, tổ dân phố B, phường Y, thành phố Hà Nội)**.

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về án phí, lệ phí Tòa án).

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải ngày 26/06/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nguyễn Thị Thanh H** và **anh Nguyễn Đình V**.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về tình cảm*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Thanh H** và anh **Nguyễn Đình V**.

2. *Về con chung*: Chị **H** và anh **V** thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là **Nguyễn Đình Minh K** (nam) sinh ngày 05/06/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** và anh **V**: Giao cháu **Nguyễn Đình Minh K** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Về phân cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **V** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu **K** là 4.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 07/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Anh **V** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung* (gồm động sản và bất động sản): Chị **H** và anh **V** đều thống nhất xác nhận ly hôn cả chị **H** và anh **V** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. *Về nợ*: Chị **H** và anh **Văn T** nhất xác nhận tính đến thời điểm hiện tại vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn cả chị **H** và anh **V** đều không ai yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

5. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị **H** tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí LHST và 150.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con (đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0013862 ngày 10/06/2026 tại Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 6 – Hà Nội), chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Hồng Lý